

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2023/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện lồng ghép và quản lý các nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn

Lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Các nguồn vốn thực hiện lồng ghép

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước:

- a) Vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- b) Vốn ngân sách địa phương: Ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã;

c) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

2. Nguồn vốn tín dụng.

3. Nguồn vốn hợp pháp khác:

- a) Vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức;
- b) Đóng góp tự nguyện của người dân (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động);

c) Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 4. Nội dung lồng ghép nguồn vốn

1. Lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia: Các dự án đầu tư; hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu

quốc gia; hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia; hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp được lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện.

2. Lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác: Dự án đầu tư được lồng ghép, sử dụng nhiều nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn các chương trình, dự án khác để thực hiện.

Điều 5. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn

1. Lồng ghép nguồn vốn được thực hiện đồng thời với công tác lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm và thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

2. Căn cứ quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn, thông báo về mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước của chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm và dự kiến nguồn vốn ngân sách nhà nước của địa phương, nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của địa phương nhằm triển khai thực hiện việc lồng ghép nguồn vốn, trong đó dự kiến mức vốn bố trí thực hiện từng nội dung, hoạt động, dự án thành phần; danh mục dự án đầu tư (nếu có).

3. Trong quá trình lập dự án đầu tư, dự toán các nội dung và hoạt động, chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao kế hoạch vốn căn cứ vào kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia được duyệt, khả năng cân đối vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện lồng ghép, tránh chồng chéo, trùng lặp. Cơ cấu các nguồn vốn lồng ghép phải thể hiện cụ thể trong hồ sơ trình phê duyệt, làm cơ sở đề tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án, dự toán và phân bổ vốn hàng năm.

4. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho các chương trình, dự án khác lồng ghép nguồn vốn với chương trình mục tiêu quốc gia được xác định cùng với quy trình lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm ở các cấp ngân sách.

Điều 6. Thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép

1. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với nguồn vốn tín dụng: Thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng; quy định của các chính sách tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, có vấn đề mới phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định mới tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023. /

Nơi nhận: *LL*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ Pháp luật VPQH;
- Vụ Pháp luật của VPCP;
- Vụ Pháp chế của Bộ KH&ĐT, Bộ TC; Bộ NN&PTNT; Bộ LĐ, TB&XH; Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng

Lê Thị Thu Hồng